



Round 4

1 số cấu trúc cần thuộc

Con nối từ với
tranh tương ứng

Learn English
with Ms. Chuyên



LIVEWORKSHEETS

1

get **up**

2

stay **up** late

Thức
khuya

3

do morning exercises

4

go swimming

5

wait **for**



Round 4

1 số cấu trúc cần thuộc

Con nối từ với
tranh tương ứng

6

late **for**
(school)

7

Stay away
from (me)

Tránh xa
(tôi) ra

8

come **back** home

9

on the wall

10

have/has a
(fever/ cold)

bị bệnh
(sốt/ cảm)



1

We are waiting _ _ _ the school bus.

2

Linda can't go to school today because she _ _ _
a fever.

3

There are 2 pictures _ _ the wall.

4

I _ _ morning exercises everyday.

5

Stay away _ _ _ _ me.

6

I get _ _ _ early.

7

I come _ _ _ _ home at 7 p.m.

8

We _ _ swimming every Sunday.

9

She is never late _ _ _ school.

10

Don't stay _ _ late!